

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH Bắc Giang, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 09, 10, 11/04/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 359 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 09, 10, 11/04/2021 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học, Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT03	Nguyễn Thị Lan	Anh	02/02/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
2	CNTT04	Đoàn Kim	Ánh	27/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
3	CNTT06	Điêu Thị	Duyên	01/06/1995	Điện Biên	Nữ	Thái	7,5	6,5	Đạt
4	CNTT09	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/10/1979	Tuyên Quang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	Đạt
5	CNTT12	Nguyễn Thị	Hòa	17/04/1996	Bắc Giang	Nữ	Nùng	8,2	8,0	Đạt
6	CNTT13	Trần Thị	Hồng	22/01/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	7,0	Đạt
7	CNTT14	Trịnh Thị	Huế	29/08/1998	Hà Nam	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
8	CNTT15	Nguyễn Thu	Hương	30/07/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt
9	CNTT16	Bùi Phương	Khánh	02/09/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
10	CNTT17	Nguyễn Thị	Lan	06/03/1984	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
11	CNTT18	Nguyễn Hải	Linh	20/06/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	8,5	Đạt
12	CNTT19	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	20/12/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	Đạt
13	CNTT21	Nguyễn Thị Phương	Nga	22/08/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
14	CNTT23	Nguyễn Minh	Ngọc	26/07/1986	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	6,5	Đạt
15	CNTT26	Vi Văn	Nhục	12/05/1980	Bắc Giang	Nam	Nùng	8,0	7,5	Đạt
16	CNTT27	Ngô Quang	Suốt	10/10/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,0	Đạt
17	CNTT28	Nguyễn Thị	Thanh	22/07/1982	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	Đạt
18	CNTT29	Đặng Thu	Thủy	17/03/1990	Hà Nam	Nữ	Kinh	8,0	7,5	Đạt
19	CNTT30	Khổng Trọng	Thủy	09/01/1971	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
20	CNTT33	Nguy Phan	Thức	04/10/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	Đạt
21	CNTT34	Nguyễn Thị	Trang	07/10/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	Đạt
22	CNTT35	Nguyễn Nam	Trung	15/07/1990	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,5	8,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
23	CNTT36	Nguyễn Thị	Tuyết	12/06/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
24	CNTT37	Giáp Thúy	Uyên	27/10/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
25	CNTT39	Hoàng Hải	Yến	02/04/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt
26	CNTT40	Khuông Thị	Yến	10/02/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
27	CNTT41	Lăng Thái	Ba	15/09/1979	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt
28	CNTT42	Lục Thị	Bính	28/12/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	Đạt
29	CNTT43	Hoàng Văn	Cương	31/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
30	CNTT44	Vi Văn	Cương	10/02/1986	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	7,5	Đạt
31	CNTT45	Vy Thị	Diệu	04/02/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt
32	CNTT46	Mai Thị	Dựng	01/12/1970	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	8,0	Đạt
33	CNTT47	Triệu Đình	Dương	09/09/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,0	7,0	Đạt
34	CNTT48	Đàm Quang	Diệp	16/08/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt
35	CNTT49	Linh Văn	Đội	25/03/1988	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,0	Đạt
36	CNTT50	Triệu Minh	Đức	01/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	5,5	Đạt
37	CNTT51	Trần Thị Thanh	Hà	16/09/1986	Tuyên Quang	Nữ	Cao Lan	7,5	6,5	Đạt
38	CNTT52	Lý Thị	Hải	26/08/1992	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	8,0	Đạt
39	CNTT53	Vi Thị Mỹ	Hằng	24/01/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	6,5	Đạt
40	CNTT54	Linh Văn	Hiền	15/07/1979	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	6,5	Đạt
41	CNTT55	Phùng Thị	Hồng	07/04/1988	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,0	7,0	Đạt
42	CNTT56	Nông Văn	Huệ	28/04/1995	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	7,0	Đạt
43	CNTT57	Hà Đức	Huy	08/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	7,0	Đạt
44	CNTT58	Vi Thu	Huyền	01/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	7,5	Đạt
45	CNTT59	Hoàng Thị	Hương	05/03/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt
46	CNTT60	Trần Thanh	Hương	21/05/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,0	Đạt
47	CNTT61	Vũ Thị	Hường	28/01/1984	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	8,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
48	CNTT62	Trịnh Thị Lan	25/11/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt
49	CNTT63	Triệu Thị Mai Ly	24/11/1999	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,0	Đạt
50	CNTT64	Lô Thị Mai	19/07/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,2	6,5	Đạt
51	CNTT65	Lý Nông Phương Nam	13/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	8,5	5,0	Đạt
52	CNTT66	Triệu Hải Nam	16/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	6,5	Đạt
53	CNTT67	Hà Mạnh Nghĩa	04/03/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	5,5	Đạt
54	CNTT68	Hoàng Quốc Phong	05/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
55	CNTT69	Triệu Tiến Phong	30/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
56	CNTT70	Vi Thị Phụng	09/05/1990	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
57	CNTT71	Vi Thị Thanh Tâm	13/10/1978	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	Đạt
58	CNTT72	Hoàng Thị Thao	15/04/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,0	7,0	Đạt
59	CNTT73	Hoàng Thu Thảo	27/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	6,0	Đạt
60	CNTT74	Nguyễn Phương Thảo	14/04/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	6,5	Đạt
61	CNTT75	Ma Văn Thiện	07/04/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,5	Đạt
62	CNTT76	Vy Tuấn Thọ	11/09/1989	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	6,0	Đạt
63	CNTT77	Chu Thị Thơ	24/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,0	Đạt
64	CNTT78	Hoàng Thị Thơm	27/10/1969	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,5	Đạt
65	CNTT79	Hoàng Đức Thuận	26/11/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	6,5	Đạt
66	CNTT80	Nguyễn Thị Thúc	24/08/1998	Lạng Sơn	Nữ	Tày	8,2	7,5	Đạt
67	CNTT81	Đàm Minh Tiến	09/11/1979	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,5	Đạt
68	CNTT82	Hoàng Minh Tiến	10/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
69	CNTT83	Vi Thanh Trà	09/09/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,7	6,5	Đạt
70	CNTT84	Lê Thị Huyền Trang	14/10/1985	Quảng Ninh	Nữ	Kinh	7,5	6,5	Đạt
71	CNTT85	Vương Thùy Trang	24/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
72	CNTT86	Trương Quang Trường	08/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
73	CNTT87	Hoàng Tuấn	Vũ	08/12/1987	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	6,5	Đạt
74	CNTT88	Triệu Thị	Xuyên	26/05/1971	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	6,5	Đạt
75	CNTT89	Phạm Thị	Xuyên	01/04/1986	Thái Bình	Nữ	Kinh	8,2	6,5	Đạt
76	CNTT90	Hoàng Văn	An	21/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
77	CNTT91	Hoàng Thị Huệ	Anh	03/08/2003	Hà Nội	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
78	CNTT92	Lưu Thị Phương	Anh	05/07/2003	Hưng Yên	Nữ	Nùng	5,2	6,5	Đạt
79	CNTT93	Lưu Tuấn	Anh	20/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
80	CNTT94	Lý Thị Vân	Anh	01/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	8,0	Đạt
81	CNTT95	Nguyễn Quỳnh	Anh	22/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	8,0	Đạt
82	CNTT96	Nguyễn Thị Mai	Anh	09/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt
83	CNTT97	Nông Nguyệt	Anh	05/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,5	Đạt
84	CNTT98	Phùng Thị Hải	Anh	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	6,5	Đạt
85	CNTT99	Trần Hà Quế	Anh	07/03/2003	Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
86	CNTT100	Hoàng Xuân	Bắc	26/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
87	CNTT101	Phạm Thị Linh	Chi	15/08/1999	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,5	7,5	Đạt
88	CNTT102	Hứa Chí	Công	20/04/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	7,0	Đạt
89	CNTT103	Trương Văn	Mai	28/02/1964	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,5	Đạt
90	CNTT104	Nông Thị	Oanh	10/07/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	8,0	Đạt
91	CNTT105	Hoàng Thị Thu	Phương	29/07/1999	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
92	CNTT106	Đàm Thị Lệ	Quyên	25/10/1998	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt
93	CNTT107	Chu Minh	Son	27/11/1994	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	8,0	Đạt
94	CNTT108	Hà Văn	Thế	01/04/1995	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,5	7,0	Đạt
95	CNTT109	Mã Thị	Thủy	13/07/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,7	7,5	Đạt
96	CNTT110	Đỗ Thị Thu	Trang	11/01/1990	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	Đạt
97	CNTT111	Trịnh Thị Huyền	Trang	12/12/1991	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	8,0	8,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
98	CNTT112	Ngô Thị Xuyên		28/12/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	8,0	7,5	Đạt
99	CNTT113	Hoàng Hải Bằng		20/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
100	CNTT114	Phùng Thị Ngọc Bích		07/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
101	CNTT115	Nông Huyền Châm		23/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	6,0	Đạt
102	CNTT116	Hoàng Bảo Châu		09/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
103	CNTT117	Đỗ Linh Chi		13/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
104	CNTT118	Nguyễn Thị Kim Chi		23/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
105	CNTT119	Trần Kim Chi		17/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,5	Đạt
106	CNTT120	Nguyễn Đình Chiến		07/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,0	Đạt
107	CNTT121	Nguyễn Ánh Chúc		16/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt
108	CNTT122	Hoàng Hùng Cường		13/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
109	CNTT123	Nguyễn Hoàng Cường		17/02/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
110	CNTT124	Triệu Khánh Doanh		27/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
111	CNTT125	Lương Thị Thùy Dung		17/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,0	5,0	Đạt
112	CNTT126	Bùi Anh Dũng		16/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
113	CNTT127	Long Văn Dũng		26/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
114	CNTT128	Trần Khánh Duy		21/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
115	CNTT129	Mai Thùy Dương		17/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
116	CNTT130	Nguyễn Thái Dương		14/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	Đạt
117	CNTT131	Trần Đăng Dương		29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
118	CNTT132	Trương Quang Dương		23/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
119	CNTT133	Nguyễn Viết Đàm		26/03/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
120	CNTT134	Đỗ Tiến Đạt		18/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,5	Đạt
121	CNTT135	Lại Phương Đông		09/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
122	CNTT136	Nguyễn Văn Đức		27/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
123	CNTT137	Trần Minh	Đức	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
124	CNTT138	Hoàng Nguyệt	Hà	27/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
125	CNTT139	Hoàng Thị Hải	Hà	23/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,5	Đạt
126	CNTT140	Nguyễn Thanh	Hà	29/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
127	CNTT141	Triệu Quang	Hà	14/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
128	CNTT142	Triệu Thu	Hà	05/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
129	CNTT143	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	06/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
130	CNTT144	Lâm Thị Ngọc	Hân	10/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	Đạt
131	CNTT145	Nguyễn Thúy	Hiên	07/01/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
132	CNTT146	Bùi Thị	Hiên	02/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
133	CNTT147	Nguyễn Thúy	Hiên	17/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt
134	CNTT148	Phạm Thị	Hiên	12/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
135	CNTT149	Long Đức	Hiếu	19/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,5	5,0	Đạt
136	CNTT150	Nguyễn Hữu	Hiếu	02/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
137	CNTT151	Nông Minh	Hiếu	22/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt
138	CNTT152	Triệu Quang	Hiếu	29/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
139	CNTT153	Hoàng Thị Ngọc	Hoa	18/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
140	CNTT154	Triệu Ngọc	Hoa	24/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
141	CNTT155	Chu Thị Thu	Hoài	22/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
142	CNTT156	Lạc Thị Thu	Hoài	05/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt
143	CNTT157	Đỗ Công	Hoàng	30/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	6,0	Đạt
144	CNTT158	Hà Huy	Hoàng	01/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	6,0	Đạt
145	CNTT159	Lê Việt	Hoàng	12/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
146	CNTT160	Cao Mạnh	Hùng	28/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
147	CNTT161	Hoàng Phi	Hùng	28/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
148	CNTT162	Đặng Gia	Huy	29/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
149	CNTT163	Lê Quang	Huy	10/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
150	CNTT164	Nguyễn Hồng	Huy	09/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
151	CNTT165	Trần Đức	Huy	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
152	CNTT166	Trần Quang	Huy	17/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
153	CNTT167	Lương Thị Ngọc	Huyền	28/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
154	CNTT168	Nguyễn Thu	Huyền	14/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
155	CNTT169	Vi Tuấn	Hưng	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
156	CNTT170	Đỗ Thị Thu	Hương	17/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,0	Đạt
157	CNTT171	Nguyễn Thu	Hương	24/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
158	CNTT172	Voòng Thanh	Hương	21/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Hoa	5,7	6,5	Đạt
159	CNTT173	Vy Hà	Hương	01/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
160	CNTT174	Vi Bảo	Khánh	14/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,2	5,5	Đạt
161	CNTT175	Lý Bảo	Lâm	16/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	Đạt
162	CNTT176	Nguyễn Văn	Lâm	12/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	7,0	Đạt
163	CNTT177	Đỗ Diệu	Linh	31/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt
164	CNTT178	Hướng Khánh	Linh	11/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
165	CNTT179	Mông Thùy	Linh	08/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	7,5	Đạt
166	CNTT180	Nguyễn Huyền	Linh	07/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,5	Đạt
167	CNTT181	Nguyễn Thị	Linh	01/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,0	Đạt
168	CNTT182	Nông Hồng	Linh	12/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	8,0	Đạt
169	CNTT183	Nông Thùy	Linh	15/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,5	Đạt
170	CNTT184	Trần Khánh	Linh	09/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	7,0	Đạt
171	CNTT185	Hoàng Hải	Long	01/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	7,0	Đạt
172	CNTT186	Hoàng Phi	Long	15/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
173	CNTT187	Lăng Xuân	Lộc	06/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	7,5	Đạt
174	CNTT188	Đào Trọng	Luân	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
175	CNTT189	Sầm Thị	Luyến	15/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	Đạt
176	CNTT190	Lục Thị	Ly	12/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
177	CNTT191	Hoàng Bích	Mai	09/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	7,0	Đạt
178	CNTT192	Nguyễn Thị	Mai	15/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,6	7,5	Đạt
179	CNTT193	Phạm Danh	Mạnh	25/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	Đạt
180	CNTT194	Phạm Thế	Mạnh	11/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	7,5	Đạt
181	CNTT195	Hoàng Trung	Nghĩa	17/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
182	CNTT196	Lương Bảo	Ngọc	10/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt
183	CNTT197	Nguyễn Văn	Nhanh	27/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	5,5	Đạt
184	CNTT198	Trần Bình	Nhi	03/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	5,0	Đạt
185	CNTT199	Hà Hồng	Nhung	07/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	5,5	Đạt
186	CNTT200	Hoàng Hồng	Nhung	26/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
187	CNTT201	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	26/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
188	CNTT202	Nguyễn Đăng	Ninh	11/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
189	CNTT203	Phạm Thị Yến	Oanh	08/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	5,5	Đạt
190	CNTT204	Nguyễn Thanh	Phúc	05/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	7,0	Đạt
191	CNTT205	Hoàng Thu	Phương	25/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	Đạt
192	CNTT206	Hoàng Thị Bích	Phương	21/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,0	Đạt
193	CNTT207	Ngô Hồng	Quân	07/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,0	Đạt
194	CNTT208	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	16/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
195	CNTT209	Nông Thị Tú	Quyên	28/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	Đạt
196	CNTT210	Vũ Đức	Quỳnh	02/11/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
197	CNTT211	Tô Hoàng	Sinh	12/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
198	CNTT212	Vy Quốc	Tài	01/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
199	CNTT213	Lô Thị Mỹ	Tâm	05/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,0	Đạt
200	CNTT214	Hà Huy	Tân	08/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
201	CNTT215	Cổ Hoàng	Tấn	19/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
202	CNTT216	Đặng Cao	Tấn	03/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	Đạt
203	CNTT217	Hoàng Phương	Thanh	29/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	Đạt
204	CNTT218	Nông Thị Yến	Thanh	07/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	Đạt
205	CNTT219	Nguyễn Tiến	Thành	06/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,0	Đạt
206	CNTT220	Chu Thị	Thảo	17/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,5	Đạt
207	CNTT221	Lê Thị Phương	Thảo	13/06/2003	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
208	CNTT222	Lý Thị Thu	Thảo	23/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	Đạt
209	CNTT223	Trịnh Thu	Thảo	18/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
210	CNTT224	Hoàng Duy	Thông	20/10/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
211	CNTT225	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
212	CNTT226	Ngô Thị	Thúy	23/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt
213	CNTT227	Nguyễn Văn	Thuyết	05/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	6,5	Đạt
214	CNTT228	Công Thị Huyền	Thư	15/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,0	Đạt
215	CNTT229	Hoàng Thị	Thư	17/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,5	Đạt
216	CNTT230	Từ Thị Minh	Thư	01/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	6,5	Đạt
217	CNTT231	Vương Thị Thủy	Tiên	26/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	Đạt
218	CNTT232	Hoàng Hải	Tin	26/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	Đạt
219	CNTT233	Hoàng Thu	Trà	28/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	Đạt
220	CNTT234	Đinh Thùy	Trang	13/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
221	CNTT235	Nguyễn Quỳnh	Trang	25/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
222	CNTT236	Nguyễn Thị Huyền	Trang	30/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,5	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
223	CNTT237	Phùng Thị Thu	Trang	03/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	7,0	Đạt
224	CNTT238	Vy Thị Tùng	Trang	13/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
225	CNTT239	Đỗ Quang	Trung	22/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	6,5	Đạt
226	CNTT240	Trần Anh	Tú	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
227	CNTT241	Hoàng Quốc	Tuấn	13/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt
228	CNTT242	Nguyễn Ngọc	Tuấn	16/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,5	Đạt
229	CNTT243	Hồ Trần	Tùng	10/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,2	6,0	Đạt
230	CNTT244	Vi Thanh	Tùng	11/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	7,0	Đạt
231	CNTT245	Vy Thanh	Tùng	09/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	Đạt
232	CNTT246	Hoàng Thị Hoa	Tuyết	05/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt
233	CNTT247	Nguyễn Thị Thu	Uyên	12/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	7,0	Đạt
234	CNTT248	Dương Thị Tú	Vân	22/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
235	CNTT249	Hoàng Mỹ	Vân	18/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,2	6,5	Đạt
236	CNTT250	Lý Cẩm	Vân	05/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt
237	CNTT251	Hứa Khánh	Vinh	20/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,5	Đạt
238	CNTT252	Hoàng Long	Vũ	27/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	Đạt
239	CNTT253	Lương Cao	Vũ	23/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
240	CNTT254	Nguyễn Tiến	Vụ	20/06/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
241	CNTT255	Hoàng Sĩ	Vương	30/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	Đạt
242	CNTT256	Lý Thị	Vượng	17/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,2	6,5	Đạt
243	CNTT257	Lành Thế	Vỹ	28/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt
244	CNTT258	Nguyễn Thị	Xuân	22/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,5	Đạt
245	CNTT259	Nguyễn Công Thế	Anh	20/01/2003	Đắc Lắc	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
246	CNTT260	Nguyễn Minh	Anh	07/08/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,2	5,5	Đạt
247	CNTT261	Nguyễn Thế	Anh	31/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
248	CNTT262	Nguyễn Tuấn	Anh	12/09/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
249	CNTT263	Nguyễn Việt	Anh	18/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
250	CNTT264	Nguyễn Văn	Bình	20/08/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
251	CNTT265	Lê Anh	Cảnh	14/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
252	CNTT266	Lê Văn	Cần	01/05/1968	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	5,0	Đạt
253	CNTT267	Trần Thị	Dân	04/09/1987	Hải Dương	Nữ	Kinh	7,5	5,0	Đạt
254	CNTT268	Vũ Văn	Diễn	06/06/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
255	CNTT269	Vũ Văn	Dũng	08/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
256	CNTT270	Nguyễn Đức	Duy	09/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	5,5	Đạt
257	CNTT271	Trần Quốc	Duy	29/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt
258	CNTT272	Lê Thị	Duyên	18/03/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
259	CNTT273	Ngô Thị Mỹ	Duyên	09/06/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
260	CNTT274	Đỗ Tùng	Dương	19/11/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
261	CNTT276	Nguyễn Quang	Đạo	29/11/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
262	CNTT277	Mai Văn	Đạt	19/11/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
263	CNTT278	Nguyễn Thành	Đạt	22/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
264	CNTT279	Nguyễn Tuấn	Đạt	19/08/2003	Bắc Giang	Nam	Kinh	5,2	6,5	Đạt
265	CNTT280	Tạ Quang	Đạt	26/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,0	Đạt
266	CNTT281	Nguyễn Đăng	Độ	06/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
267	CNTT282	Nguyễn Minh	Đông	18/04/2002	Hải Dương	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
268	CNTT283	Nguyễn Văn	Đông	16/03/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
269	CNTT284	Trần Hữu	Đức	06/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,0	Đạt
270	CNTT285	Lê Quang	Hà	06/02/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
271	CNTT286	Nguyễn Thị	Hà	22/08/1986	Hải Dương	Nữ	Kinh	7,5	6,0	Đạt
272	CNTT287	Nguyễn Thị	Hà	12/02/1974	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,2	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
273	CNTT288	Phạm Thị	Hà	04/10/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	6,0	Đạt
274	CNTT289	Đặng Nam	Hải	23/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
275	CNTT290	Trần Minh	Hiển	25/10/2003	Nam Định	Nam	Kinh	5,2	6,0	Đạt
276	CNTT291	Hoàng Văn	Hiệp	29/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
277	CNTT292	Nguyễn Hữu	Hiệp	02/09/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
278	CNTT293	Nguyễn Thị	Hoài	09/09/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt
279	CNTT294	Nguyễn Thị Thu	Hoài	27/08/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	5,5	Đạt
280	CNTT296	Mai Xuân	Huy	09/11/2002	Hà Nội	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
281	CNTT297	Nguyễn Khánh	Huyền	24/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
282	CNTT298	Nguyễn Thị	Lan	02/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,2	6,5	Đạt
283	CNTT299	Nguyễn Đăng	Lê	23/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
284	CNTT300	Nguyễn Thị	Linh	08/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,5	5,0	Đạt
285	CNTT301	Nguyễn Văn	Linh	01/10/1979	Hải Dương	Nam	Kinh	7,2	5,5	Đạt
286	CNTT302	Đào Văn	Long	11/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
287	CNTT303	Đào Duy	Lộc	25/05/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	6,0	Đạt
288	CNTT304	Vũ Văn	Lượng	05/12/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
289	CNTT305	Nguyễn Hữu	Mạnh	03/08/1998	Bắc Ninh	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
290	CNTT306	Phạm Đức	Mạnh	10/10/2003	Hải Dương	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
291	CNTT307	Lê Văn	Minh	20/11/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
292	CNTT308	Nguyễn Văn	Minh	09/06/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	5,5	Đạt
293	CNTT309	Trần Lê	Minh	08/07/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
294	CNTT310	Nguyễn Đức	Mùi	06/05/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
295	CNTT311	Nguyễn Khắc	Nam	13/08/2003	Gia Lai	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
296	CNTT312	Nguyễn Đức	Nguyen	18/01/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,5	Đạt
297	CNTT313	Văn Đức	Ngự	07/11/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
298	CNTT314	Đặng Tú Nhi	24/08/2003	Bình Định	Nữ	Kinh	6,0	6,0	Đạt
299	CNTT315	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	20/11/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,2	6,0	Đạt
300	CNTT316	Nguyễn Hải Phong	30/11/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
301	CNTT317	Trần Tuấn Phong	21/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
302	CNTT318	Trịnh Văn Phong	20/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
303	CNTT319	Phan Đình Phương	20/05/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	5,0	Đạt
304	CNTT320	Doãn Thế Quang	03/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
305	CNTT321	Nguyễn Tiến Quang	09/02/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	5,0	Đạt
306	CNTT322	Trần Minh Quang	17/08/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
307	CNTT323	Nguyễn Thị Ánh Quỳnh	05/04/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
308	CNTT324	Nguyễn Văn Tân	16/10/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
309	CNTT325	Nguyễn Văn Thái	15/03/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt
310	CNTT326	Hoàng Công Thanh	20/02/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
311	CNTT327	Phùng Tiến Thành	31/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,0	6,5	Đạt
312	CNTT328	Nguyễn Văn Thắng	04/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
313	CNTT329	Nguyễn Văn Thắng	15/11/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
314	CNTT330	Đặng Thị Thu	23/07/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	6,0	Đạt
315	CNTT331	Nguyễn Thị Thanh Thúy	12/01/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
316	CNTT332	Nguyễn Thị Thủy	18/11/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,5	6,0	Đạt
317	CNTT333	Phạm Thị Thu Thủy	26/03/1997	Hải Phòng	Nữ	Kinh	7,7	6,0	Đạt
318	CNTT334	Hoàng Văn Thư	30/10/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
319	CNTT335	Nguyễn Văn Tiệp	06/10/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	5,5	Đạt
320	CNTT336	Doãn Thị Trà	22/03/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,2	6,0	Đạt
321	CNTT337	Nguyễn Thị Trang	01/09/2002	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	5,5	Đạt
322	CNTT338	Nguyễn Văn Trung	05/04/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	5,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
323	CNTT339	Trần Ngọc	Tú	05/03/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
324	CNTT340	Nguyễn Anh	Tuấn	04/08/2003	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,7	6,0	Đạt
325	CNTT341	Nguyễn Thanh	Tùng	01/10/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,2	5,5	Đạt
326	CNTT342	Nguyễn Thị	Uyên	07/02/2003	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	5,7	5,5	Đạt
327	CNTT343	Vũ Văn	Văn	27/05/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
328	CNTT344	Nguyễn Văn	Xã	05/07/2001	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
329	CNTT345	Nguyễn Đình	Xuân	01/06/2002	Bắc Ninh	Nam	Kinh	5,5	6,0	Đạt
330	CNTT346	Ngô Thị Kim	Anh	28/03/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,2	7,5	Đạt
331	CNTT347	Nguyễn Cao	Anh	20/03/1995	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	7,0	Đạt
332	CNTT348	Nguyễn Hoàng	Anh	01/02/2004	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,0	6,5	Đạt
333	CNTT349	Trần Mai	Anh	16/10/1987	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
334	CNTT350	Nguyễn Thị	Bình	23/09/1988	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,2	7,0	Đạt
335	CNTT351	Ninh Thành	Đạt	20/11/2002	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
336	CNTT352	Nguyễn Mạnh	Hà	29/08/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
337	CNTT353	Nguyễn Tuấn	Hải	14/04/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
338	CNTT354	Trịnh Đắc	Hội	21/05/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt
339	CNTT355	Nguyễn Trọng	Hùng	29/06/2004	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
340	CNTT356	Nguyễn Thị	Huyền	20/07/1994	Hà Nội	Nữ	Kinh	8,0	6,5	Đạt
341	CNTT357	Nguyễn Văn	Huyền	23/10/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
342	CNTT358	Lương Thanh	Hương	15/11/1988	Hà Nam	Nam	Kinh	7,7	7,5	Đạt
343	CNTT359	Nguyễn Đình	Khánh	30/08/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,5	Đạt
344	CNTT360	Nguyễn Thị Lý	Linh	25/06/1999	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	6,5	7,5	Đạt
345	CNTT361	Nguyễn Đức	Mừng	06/07/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	6,0	Đạt
346	CNTT362	Doãn Phương	Nhung	20/08/1984	Nam Định	Nữ	Kinh	8,0	7,0	Đạt
347	CNTT363	Nguyễn Văn	Phong	03/10/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
							Trắc nghiệm	Thực hành	
348	CNTT365	Nguyễn Văn Quang	19/05/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
349	CNTT366	Đỗ Thế Quyền	04/09/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,0	7,0	Đạt
350	CNTT367	Hoàng Đình Quyết	14/12/2000	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,0	6,0	Đạt
351	CNTT368	Nguyễn Thị Quỳnh	28/06/1990	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	Đạt
352	CNTT369	Trần Thị Tâm	20/07/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	Đạt
353	CNTT370	Nguyễn Đình Tiệp	19/06/1982	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	6,0	Đạt
354	CNTT371	Nguyễn Thế Thịnh	22/12/1989	Bắc Ninh	Nam	Kinh	8,0	6,0	Đạt
355	CNTT372	Dương Văn Thức	01/08/2000	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,2	7,0	Đạt
356	CNTT373	Nguyễn Hữu Thực	15/05/1999	Bắc Ninh	Nam	Kinh	6,5	7,5	Đạt
357	CNTT374	Nguyễn Đình Thương	13/06/2002	Nghệ An	Nam	Kinh	6,0	6,5	Đạt
358	CNTT375	Phạm Văn Toàn	18/01/1983	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,5	Đạt
359	CNTT376	Nguyễn Thị Vượng	26/02/1985	Bắc Ninh	Nữ	Kinh	8,0	6,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 359./.